

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Duy Lục
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:** Ông Phạm Tiến Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh V. “Có mặt”.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh V. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2025 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 10/9/2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường (nay là xã Vĩnh Phú, huyện Vĩnh Tường) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở thôn H, xã V. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008, anh đi xuất khẩu lao động tại Nga. Mặc dù ở xa nhưng anh vẫn thường xuyên dành thời gian về nhà thăm gia đình. Đầu năm 2024, anh về sinh sống và làm việc tại nhà. Trong thời

gian về nhà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, sinh hoạt hàng ngày có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Đặc biệt, anh phát hiện chị H có những biểu hiện không chung thủy, đến đầu năm 2025 thì anh phát hiện chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, toàn bộ gia đình đều biết. Sau khi anh phát hiện thì chị H có xin lỗi, xin anh tha thứ tuy nhiên anh không đồng ý. Tháng 02 năm 2025, khi anh nộp đơn ly hôn ra Tòa thì chị H bỏ đi Hà Nội thuê nhà ở, anh và chị H sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Thời gian gần đây chị H đã về nhà ở mặc dù anh không đồng ý nhưng chị H cương quyết không chuyển đi. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng cũng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/6/2002 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/10/2008. Hiện cháu Huy đã thành niên nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 10/9/2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường (nay là xã Vĩnh Phú) trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh T ở thôn H, xã V, được thời gian ngắn thì vợ chồng ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ để anh T cho. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến đầu năm 2025 thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đã nhiều lần trao đổi với anh để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Tiếp không đồng ý. Từ tháng 02 năm 2025, do anh T đuổi chị nên chị phải đi làm thuê và thuê nhà ở Hà Nội sống. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân, khi chị về thì anh T không cho chị về nhà; chị có liên lạc với anh để hòa giải nhưng không được. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh Tiếp xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/6/2002 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/10/2008. Hiện cháu Huy đã thành niên; cháu H đang ở cùng anh T. Chị không đồng ý ly hôn nên chị không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đồng ý ly hôn nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn trong quá trình xét xử không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tiếp. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
- Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H có nơi cư trú tại xã V (nay là xã Vĩnh Phú), huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 10/9/2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú), huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay. Ngoài ra, anh T còn trình bày chị H có quan hệ ngoại tình, không chung thủy. Tuy nhiên, anh T không cung cấp

cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh chị H ngoại tình. Đối với chị H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh Tiếp và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, cải thiện tình trạng hôn nhân. Khi Tòa án triệu tập 02 lần đến phiên tòa để Tòa án tiếp tục hòa giải thì chị H vắng mặt không có lý do điều đó thể hiện chị H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh Tiếp kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Trường hợp Tòa án không xem xét giải quyết ly hôn cho anh thì anh cũng không về chung sống, đoàn tụ với chị H vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh là quá lớn.

Qua xem xét lời khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy quá trình anh Tiếp, chị H chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tiếp và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H.

[4] Về con chung: Anh T, chị H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/6/2002 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/10/2008. Hiện cháu H đã thành niên; cháu H đang ở cùng anh T. Do cháu Huy đã thành niên nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; chị H không đồng ý ly hôn nên chị không đề nghị giải quyết về con.

Xét hiện cháu H đang ở cùng với anh T, tâm sinh lý phát triển bình thường; quá trình giải quyết cháu cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở với anh Tiếp. Mặt khác, chị H không có đề nghị giải quyết về con chung. Do vậy cần giao cho anh Tiếp trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Do anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/10/2008 (hiện cháu đều đang ở với anh Tiếp). Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 00005426 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Vĩnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Phượng

